

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH : **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN**

NGÀNH : **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ**

MÃ NGÀNH : **7510205**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : **CHÍNH QUY**

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm
2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Tên chương trình : Chương trình tiên tiến ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ kỹ thuật ô tô

Mã số : 7510205

Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kỹ sư công nghệ kỹ thuật ô tô có hiểu biết và thích nghi với môi trường kinh tế - xã hội Việt Nam; Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống; Hiểu biết quy luật vận động khách quan của các sự vật, hiện tượng và có quan điểm, lập trường rõ ràng;

Có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vững chắc và năng lực thực hành nghề nghiệp để giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành kỹ thuật ô tô. Có khả năng làm việc độc lập, tự học hỏi nâng cao trình độ và sáng tạo. Áp dụng được các công nghệ tiên tiến của khu vực và thế giới nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

+ Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực máy động lực và ô tô.

+ Có kiến thức vững vàng về công nghệ và kỹ thuật máy động lực và ô tô. Có khả năng tiếp cận công nghệ mới về máy động lực và ô tô.

+ Có kiến thức về kiểm định, thử nghiệm và các dịch vụ kỹ thuật (sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa...) ô tô.

+ Có kiến thức cơ bản về quản lý sản xuất, kinh doanh máy động lực và ô tô.

- Về kỹ năng:

+ Tính toán thiết kế, lắp ráp và sửa chữa được máy động lực và ô tô đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật đặt ra của thực tiễn sản xuất. Xây dựng được quy trình công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa máy động lực và ô tô

+ Vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng được máy động lực và ô tô đảm bảo an toàn và đạt yêu cầu kỹ thuật. Có khả năng quản trị về mặt kỹ thuật các xưởng bảo dưỡng, sửa chữa máy động lực và ô tô..

+ Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của công nghệ, khả năng tự học trong môi trường làm việc và học tập suốt đời;

+ Sử dụng được tiếng Anh đạt trình độ bậc 3 (tương đương B1 khung năng lực ngoại ngữ chuẩn Châu Âu) để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

- *Về thái độ:*

+ Có tinh thần cầu tiến trong đời sống và chuyên môn nhằm tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

+ Phát huy tinh thần trách nhiệm cao, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc được giao.

+ Có ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong công nghiệp, biết tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- *Khả năng nghề nghiệp:* Sau khi tốt nghiệp có khả năng:

+ Làm việc tại các nhà máy sản xuất phụ tùng, linh kiện và lắp ráp máy động lực và ô tô, các cơ sở sửa chữa ô tô,...

+ Làm các công việc kỹ thuật, quản lý kỹ thuật và chất lượng, tại các đơn vị quản lý và sản xuất trong lĩnh vực cơ khí động lực, kỹ thuật ô tô

+ Làm việc ở các cơ quan nghiên cứu, viện, trường... có liên quan đến ngành công nghệ kỹ thuật ô tô và động lực.

Đặc điểm Chương trình tiên tiến ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô-7510205

- Quy mô lớp học nhỏ. Phòng học được trang bị thiết bị hiện đại, máy lạnh, máy chiếu và các trang thiết bị khác.

- Phương pháp học tập, giảng dạy và đào tạo kết hợp giữa bài giảng, thảo luận, nghiên cứu tình huống, học tập theo nhóm, thuyết trình, mô phỏng, lấy người học làm trung tâm.

- Phương pháp đào tạo dựa trên thực thi Dự án (Project-based education), sinh viên có nhiều hoạt động chủ động.

- Giảng viên có chuyên môn, ngoại ngữ tốt, là các chuyên gia có trình độ chuyên môn và tiếng Anh đảm bảo truyền tải kiến thức và trải nghiệm hiệu quả đến sinh viên.

- Học song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong đó, các môn học cốt lõi của ngành, của chuyên ngành học bằng tiếng Anh; viết đề án và chuyên đề thực tập bằng tiếng Anh (khoảng 20% số tín chỉ học phần).

- Sinh viên được sinh hoạt trong môi trường năng động, sáng tạo kết hợp giữa đào tạo chuyên môn và hoạt động ngoại khóa.

- Bằng tốt nghiệp của sinh viên tham gia chương trình được trường Đại học Nam Cần Thơ cấp bằng bằng tiếng Anh và tiếng Việt, ghi rõ tốt nghiệp Chương trình tiên tiến ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: **134 tín chỉ** (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng an ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC (Tên môn học)	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	44	2	46
Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	12		12
Khoa học XH&NV		2	2
Anh văn	15		15
Toán & KHTN	11		11
Tin học	6		6
Giáo dục thể chất	3 (*)		
Giáo dục quốc phòng an ninh	8 (*)		
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	72	6	78
Kiến thức cơ sở ngành	24	2	26
Kiến thức chuyên ngành	48	4	52
Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10
Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6
Tổng khối lượng	126	8	134

(*) Các môn “*Giáo dục thể chất*” và “*Giáo dục quốc phòng an ninh*” là các môn bắt buộc, và không tính trong số Tín chỉ tích lũy của chương trình.

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nam Cần Thơ mỗi năm.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ

Thực hiện qui chế đào tạo đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số:..... /QĐ-ĐHNCT ngày.....tháng.....năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ và học phần quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên.

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng; Giáo dục Thể chất; Kỹ năng mềm; Kỹ năng nghề nghiệp;

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. Thang điểm: Theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ		Ghi chú
				LT	TH	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			46	41	5	
<i>Học phần bắt buộc</i>			44	39	5	
1.		Triết học	2	2		
2.		Kinh tế chính trị	2	2		
3.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	1		
4.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
5.		Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	3		
6.		Pháp luật đại cương	2	2		
7.		Anh văn cơ bản 1	3	3		X
8.		Anh văn cơ bản 2	3	3		X
9.		Anh văn cơ bản 3	3	3		X
10.		Anh văn nâng cao 1	3	3		X
11.		Anh văn nâng cao 2	3	3		X
12.		Tin học cơ bản	3	1	2	
13.		Tin học nâng cao	3	1	2	
14.		Toán cao cấp A1	3	3		
15.		Toán cao cấp A2	2	2		
16.		Lý thuyết xác suất & thống kê	3	3		
17.		Vật lý đại cương – Thí nghiệm vật lý	3	2	1	
18.		Giáo dục thể chất	3	0	3	(*)
19.		Giáo dục Quốc phòng an ninh	8			(*)
<i>Học phần tự chọn(Chọn 1/3 học phần)</i>			2	2		
20.		Môi trường và con người	2	2		
21.		Kinh tế và Quản lý doanh nghiệp	2	2		
22.		Quản trị dự án phát triển sản phẩm	2	2		
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			78	50	28	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			26	22	4	
<i>Học phần bắt buộc</i>			24	20	4	
23.		Cơ lý thuyết	3	3		
24.		Sức bền vật liệu (Strength of materials)	3	2	1	X
25.		Hình họa – Vẽ kỹ thuật	3	3		
26.		Vật liệu cơ khí	2	1	1	

27.		Nguyên lý – chi tiết máy	3	2	1	
28.		Kỹ thuật điện – Điện tử (Electric – Electronic Engineering)	3	3		X
29.		Kỹ thuật nhiệt (Thermodynamics)	2	2		X
30.		Vi xử lý ứng dụng	2	2		
31.		Nhập môn ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô (Introduction to Automotive Engineering)	3	2	1	X
Học phần tự chọn(Chọn 1/4 học phần)			2	2		
32.		Ứng dụng tin học trong thiết kế ô tô	2	2		
33.		Cơ Điện tử (Mechatronic)	2	2		Chọn
34.		Truyền động khí nén và thủy lực ứng dụng	2	2		
35.		Quản lý chất lượng trong sản xuất	2	2		
7.2.2. Kiến thức ngành			52	28	24	
7.2.2.1. Các học phần lý thuyết			28	28	0	
Học phần bắt buộc			26	26	0	
36.		Nguyên lý động cơ đốt trong (Fundamental of internal combustion engine)	3	3		X
37.		Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong	3	3		X
38.		Lý thuyết ô tô (Theory of automotive)	3	3		X
39.		Thiết kế và tính toán ô tô	3	3		X
40.		Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ	3	3		
41.		Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô	3	3		
42.		Kỹ thuật kiểm định ô tô	1	1		
43.		Chẩn đoán kỹ thuật và Bảo dưỡng-sửa chữa ô tô	2	2		
44.		Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô	3	3		
45.		Quản lý kỹ thuật ô tô	2	2		
Học phần tự chọn (Chọn 1/8 học phần)			2	2		
46.		Kỹ thuật nội ngoại thất ô tô	2	2		
47.		Kỹ thuật ô tô chuyên dùng	2	2		
48.		Nhiên liệu mới ứng dụng cho động cơ và ô tô (New fuels for automotive)	2	2		X
49.		Công nghệ hàn, sơn ô tô	2	2		
50.		Vi khí hậu và nhân trắc học ô tô	2	2		
51.		Nhiên liệu và dầu mỡ (Fuels and lubricant oils)	2	2		X
52.		Hệ thống điều hòa không khí và thiết bị tiện nghi trên ô tô	2	2		chọn
53.		Thử nghiệm ô tô và động cơ (Experiments of automotive and internal combustion engine)	2	2		X
7.2.2.2. Các học phần thực tập			24	0	24	
Học phần bắt buộc			22	0	22	
54.		Thực tập cơ khí (Nguội, hàn, gia công cơ khí,...)	3		3	

55.		Động cơ đốt trong - Thực tập	4		4	
56.		Thực tập ô tô	4		4	
57.		Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ – Thực tập	4		4	
58.		Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô – Thực tập	3		3	
59.		Kỹ thuật lái ô tô – Thực tập	1		1	
60.		Kỹ thuật kiểm định ô tô – Thực tập	1		1	
61.		Chẩn đoán kỹ thuật và Bảo dưỡng - sửa chữa ô tô – Thực tập	2		2	
Học phần tự chọn (Chọn 1/4 học phần)			2		2	
62.		Hệ thống điều hòa không khí ô tô – Thực tập	2		2	chọn
63.		Hộp số tự động – Thực tập	2		2	
64.		Thử nghiệm ô tô và động cơ - Thực tập	2		2	
65.		Thực tập khảo nghiệm HTNL Diesel	2		2	
7.3. Thực tập tốt nghiệp			4		4	
66.		Thực tập tốt nghiệp	4		4	
7.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc bổ sung			6		6	
67.		Khóa luận tốt nghiệp	6		6	
68.		Chuyên đề 1: Ô tô điện và Hybride	3		3	
69.		Chuyên đề 2: Động cơ đốt trong thế hệ mới	3		3	
Tổng cộng			134	91	43	

Ghi chú:

(*) Số tín chỉ không tính vào chương trình

X: Học phần dự kiến dạy bằng tiếng Anh

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

HỌC KỲ I

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
1	Triết học	2	2	0	
2	Anh văn căn bản 1	3	3	0	
3	Anh văn căn bản 2	3	3	0	
4	Anh văn căn bản 3	3	3	0	
5	Tin học cơ bản	3	1	2	
6	Nhập môn ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô	3	2	1	
7	*Giáo dục thể chất 1	1	0	1	
8	*Giáo dục quốc phòng - an ninh	8			
Tổng		17	14	3	

HỌC KỲ II

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	
----	--------------	------------	--

		Tổng số	LT	TH	Đơn vị thực hiện
1	Kinh tế chính trị	2	2	0	
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	1		
3	Pháp luật đại cương	2	2		
4	Toán cao cấp A1	3	3	0	
5	Vật lý đại cương	2	2	0	
6	Thí nghiệm vật lý	1	0	1	
7	Cơ lý thuyết	3	3	0	
8	Anh văn nâng cao 1	3	3		
9	*Giáo dục thể chất 2	1	0	1	
Tổng		17	16	1	

HỌC KỲ III

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
1	Tư tưởng HCM	2	2	0	
2	Toán cao cấp A2	2	2		
3	Kỹ thuật nhiệt (Thermodynamics)	2	2		
4	Sức bền vật liệu (Strength of materials)	3	2	1	
5	Vật liệu cơ khí	2	1	1	
6	Lý thuyết xác suất & thống kê	3	3		
7	Nguyên lý động cơ đốt trong (Fundamental of internal combustion engine)	3	3	0	
8	*Giáo dục thể chất 3	1	0	1	
Tổng		17	15	2	

HỌC KỲ IV

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
1	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	3		
2	Kỹ thuật điện – Điện tử (Electric – Electronic Engineering)	3	3	0	
3	Nguyên lý – Chi tiết máy	3	2	1	
4	Hình họa – Vẽ kỹ thuật	3	3		
5	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong (Internal combustion engine design)	3	3	0	
6	Thực tập cơ khí (Ngoại, hàn, gia công cơ khí,...)	3	0	3	
Tổng		18	14	4	

HỌC KỲ V

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	
-----------	---------------------	-------------------	--

		Tổng số	LT	TH	Đơn vị thực hiện
1	Vi xử lý ứng dụng	2	2	0	
2	Thiết kế và tính toán ô tô (Automotive design)	3	3	0	
3	Động cơ đốt trong – Thực tập	4	0	4	
4	Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ (Electric and automation system of internal combustion engine)	3	3	0	
5	Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ – Thực tập	4	0	4	
Tổng		16	8	8	

HỌC KỶ VI

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
1	Lý thuyết ô tô (Theory of automotive)	3	3	0	
2	Thực tập ô tô	4	0	4	
3	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô (Electric and auto-control system of automotive)	3	3	0	
4	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô – Thực tập	3	0	3	
5	<i>Học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục đại cương (Chọn 1/3 học phần)</i>	2	2	0	
6	<i>Học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành (Chọn 1/4 học phần)</i>	2	2	0	
Tổng		17	10	7	

HỌC KỶ VII

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
1	Tin học nâng cao	3	1	2	
2	Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô (Automotive production and assembly technology)	3	3	0	
3	Quản lý kỹ thuật ô tô (Automotive engineering management)	2	2	0	
4	Kỹ thuật lái ô tô – Thực tập	1	0	1	
5	Chẩn đoán kỹ thuật và Bảo dưỡng – sửa chữa ô tô (Engineering diagnostic and maintenance of automotive).	2	2	0	
6	Chẩn đoán kỹ thuật và Bảo dưỡng – sửa chữa ô tô – Thực tập	2	0	2	

7	Học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (Học phần lý thuyết Chọn 1/8 học phần)	2	2	0	
8	Học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (Học phần thực hành Chọn 1/4 học phần)	2	0	2	
Tổng		17	10	7	

HỌC KỲ VIII

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
1	Anh văn nâng cao 2	3	3	0	
2	Kỹ thuật kiểm định ô tô (Automotive inspection engineering)	1	1	0	
3	Kỹ thuật kiểm định ô tô – Thực tập	1	0	1	
4	Thực tập tốt nghiệp	4		4	
5	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	
Tổng		15	4	11	
	<i>Không làm Khóa luận tốt nghiệp thì học bổ sung</i>	6	6		
	Chuyên đề 1: Ô tô điện và Hybride	3	3		
	Chuyên đề 2: Động cơ đốt trong thế hệ mới	3	3		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại

lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá:

Điểm đánh giá đối với học phần bao gồm:

Điểm chuyên cần chiếm 20%; Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm thi giữa kỳ chiếm 30%; Điểm thi kết thúc học phần chiếm 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

Đối với học phần có tiểu luận, thực hành, đồ án, thực tập:

Điểm đánh giá là trung bình cộng của các bài tập, bài thực hành, điểm các lần sửa và thông đồ án. Học phần Thực tập cơ sở được tính theo điểm chuyên cần 20%, đánh giá của cơ sở 50% và đánh giá của giáo viên hướng dẫn 20%.

9.4. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

9.5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập.

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng đồ họa, tin học ứng dụng thiết kế, tin học ứng dụng mô phỏng các quá trình. Phòng thực hành các học phần cơ bản về vật lý, hóa đại cương, kỹ thuật đo, sức bền vật liệu.

Nhà xưởng thực tập với trang thiết bị phục vụ đào tạo trực quan và mô phỏng: Thiết bị thí nghiệm thủy lực; Hệ thống động cơ đốt trong; Hệ thống khung gầm ô tô; Hệ thống truyền động và lái; Hệ thống điện ô tô; Thiết bị nội-ngoại thất ô tô; Bộ dụng cụ đo lường và kiểm định thông số kỹ thuật.

Khoa
(ký tên, đóng dấu)

Phòng Đào tạo
(ký tên, đóng dấu)

Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)